

Số: 12 /2021/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 3 tháng 6 năm 2021.

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

(V/v: Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty và Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty)

**Kính trình: Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty  
Cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco,

1. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty

Theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Công ty đại chúng thực hiện xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty. Căn cứ cơ cấu cổ đông hiện tại của Công ty và kế hoạch định hướng kinh doanh trong thời gian tới. Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ Thông qua tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.

2. Sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.

Bản điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I – Pharbaco đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 3/11/2020 được xây dựng dựa trên cơ sở Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 tuy nhiên hiện một số điều đã được thay đổi theo luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Vậy để đảm bảo tính pháp lý cũng như sự phù hợp của Điều lệ với các quy định mới, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua những nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ như sau:

1. Về hình thức.

Không thay đổi.

2. Về nội dung.

Điều lệ mới có một số nội dung chính sửa đổi, bổ sung so với Điều lệ hiện hành như sau:

TT	Điều lệ hiện hành của Công ty (Ban hành ngày 3/11/2020)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>Điểm b khoản 1. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014</p> <p>Điểm c khoản 1 Điều 1. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007, và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 60/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/10/2010.</p> <p>Điểm đ khoản 1 Điều 1. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp</p>	<p>Điểm b khoản 1. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020.</p> <p>Điểm c khoản 1 Điều 1. Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021</p> <p>Điểm đ khoản 1 Điều 1. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp</p>	
2	<p>Điều 3: Ngành nghề Kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty</p>	<p>Điều 3: Ngành nghề kinh doanh, mục tiêu hoạt động của Công ty và tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại công ty</p>	
	<p>Điều 3: Khoản 1. Ngành nghề hoạt động của Công ty</p>	<p>Điều 3: Khoản 1. Ngành nghề hoạt động của Công ty Bổ sung ngành nghề kinh doanh sau: - Sản xuất điện (mã ngành: 3511) <i>Chi tiết: Điện mặt trời</i></p>	
	<p>Điều 3:</p>	<p>Bổ sung khoản 3 3. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty: 0%</p>	
3	<p>Điều 11: Quyền của cổ đông Khoản 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ</p>	<p>Khoản 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ</p>	<p>Khoản 2 Điều 115 Luật</p>



	<p>đồng nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu(06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và khoản 3 Điều 33 Điều lệ này;</p> <p>b. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác.</p> <p>c. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm những nội dung sau đây: phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân. Hội chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>đồng nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.</p>
4	<p>Điều 11: Quyền của cổ đông Khoản 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ</p>	<p>Khoản 4 Cổ đông hoặc nhóm cổ</p>	<p>Bỏ điểm b khoản 4 vì</p>



	<p>đồng quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa bầu thay thế.</p> <p>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>đồng quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.</p> <p>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	<p>Luật DN số 59/2020/QH14 không quy định.</p>
5	<p>Điều 11: Quyền của cổ đông</p> <p>Khoản 5: Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:</p>	<p>Khoản 5 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 24 và khoản 3 Điều 33 Điều lệ này. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện như sau:</p>	<p>Đưa điểm a Khoản 3 Điều 11 xuống. (Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020).</p>
6	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 1: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Khoản 1: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Khoản 2 Điều 139 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.</p>
7	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Điểm b và điểm c khoản 5</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản</p>	<p>Điểm b và c khoản 5.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng</p>	<p>Điều 140 Luật Doanh nghiệp số</p>



	<p>trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 13 trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.</p>
8	<p>Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Điểm o khoản 1.</p> <p>Quyết định việc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p>	<p>Điểm o khoản 1.</p> <p>Quyết định việc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p>	<p>Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.</p>
9	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Điểm a khoản 2.</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp. Danh sách cổ</p>	<p>Điểm a khoản 2</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp. Danh sách cổ đông phải có đủ thông tin theo quy</p>	<p>Khoản 1 Điều 141 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.</p>



	đồng phải có đủ thông tin theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp.	định tại khoản 1 Điều 141 Luật doanh nghiệp.	
10	Điều 17 Khoản 3 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)...	Khoản 3 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)...	Khoản 1 Điều 143 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
11	Điều 17. Điểm b khoản 6 a. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;	Điểm b khoản 6. a. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ từ đủ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;	
12	Điều 18. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông. Khoản 1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Khoản 1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Khoản 1 Điều 145 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
13	Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Khoản 4 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập.	Khoản 4 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập.	Điểm a khoản 2 Điều 146 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
14	Điều 20. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.		Khoản 2 Điều 148 Luật doanh nghiệp



	<p>Khoản 4</p> <p>Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.</p>	<p>Khoản 4.</p> <p>Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.</p>	<p>số</p> <p>59/2020/QH14</p> <p>ngày</p> <p>17/06/2020.</p>
15	<p>Điều 20.</p> <p>Khoản 6</p> <p>Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p>	<p>Khoản 6</p> <p>Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p>	<p>Khoản 4 Điều</p> <p>148 Luật</p> <p>doanh nghiệp</p> <p>số</p> <p>59/2020/QH14</p>
16	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Khoản 1</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Khoản 1.</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Theo Luật</p> <p>doanh nghiệp</p> <p>2020</p>
17	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Khoản 6</p> <p>6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo</p>	<p>Khoản 6.</p> <p>6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không</p>	<p>Thay đổi theo</p> <p>Luật doanh</p> <p>ng nghiệp số</p> <p>59/2020/QH14</p> <p>ngày</p> <p>17/06/2020.</p>



	quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp.	đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp.	
18	<p>Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.</p> <p>Điểm h khoản 2</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điểm h khoản 2</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Theo quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2021.</p>
	<p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.</p> <p>Khoản 3 Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p>	<p>Khoản 3: Bổ sung thêm quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị tại điểm d khoản 2 Điều 138, điểm h khoản 2 Điều 153 và Điều 167 của Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Bổ sung điểm b khoản 3 Điều 30.</p>

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT, HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Tuyết Mai**